TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 19-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và bà Hoàng Thị Khánh.

- Thư ký phiên tòa:Ông Phạm Xuân Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:Ông Lê Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Xóm 5, xã DT, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1990. (Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2019).

Nơi cư trú: Xóm 5, xã DH, huyện D, Nghệ An. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị Đ, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Xóm 5, xã DT, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn A, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Xóm 5, xã DT, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị H, sinh năm 1983. (Văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019).

Nơi cư trú: Xóm 5, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26 tháng 11 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:*Chị Lê Thị H và chị Lưu Thị Đ là người cùng xóm, có quen biết với nhau. Trong khoảng thời gian 2017-2018 chị H trực tiếp cho chị Đ vay tiền bốn lần, cụ thể: lần thứ nhất vào ngày 20/8/2017 - 10.000.000đồng (mười triệu đồng), lần thứ hai vào ngày 10/01/2018 - 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng), lần thứ ba vào ngày 12/01/2018 - 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng), lần thứ tư vào ngày 15/9/2018 - 250.000.000đồng (hai trăm, năm mươi triệu đồng). Khi vay, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, thỏa thuận thời gian trả 01 (một) tháng, kể từ ngày vay và lãi suất 1%. Trong quá trình vay, chị Đ chưa trả tiền gốc, chỉ thỉnh thoảng trả tiền lãi cho chị H. Sau đó, chị Đ không trả tiền cho chị H, chị H làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc chị Đ trả cho vợ chồng chị H, anh A số tiền gốc 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H thay đổi yêu cầu buộc vợ chồng chị Đ, anh Th trả cho vợ chồng chị số tiền đã vay, tuy nhiên, do chị H không có chứng cứ về việc anh Th có liên quan đến khoản vay nên xin giữ nguyên yêu cầu ban đầu tại đơn khởi kiện.

Bị đơn chị Lưu Thị Đ: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên không ghi nhận được lời khai của chị Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn A trình bày: Anh là chồng chị Lê Thị H. Việc chị H cho chị Đ vay tiền anh có biết. Số tiền cho chị Đ vay là tài sản chung của vợ chồng. Anh thống nhất với chị H, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị Đ, anh Th trả cho vợ chồng anh số tiền gốc 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng).

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H trình bày: Do anh A có công việc đi làm ăn xa, nên ủy quyền lại cho chị, quan điểm của chị cũng là quan điểm của anh A, đề nghị tòa án buộc chị Đ trả nợ cho vợ chồng chị số tiền gốc 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện D thụ lý đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ theo đúng trình tự

thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lưu Thị Đ cố tình trốn tránh không chấp hành theo giấy triệu tập gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục tố tụng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân năm sự xử chấp nhận yêu cầu của chị H, anh A buộc chị Lưu Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị H, anh A 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng) tiền gốc. Buộc bị đơn chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa,ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại xóm 5, xã DT, huyện D. Theo quy định tại khoản 3 điều 26, điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An.

- Quyền khởi kiện: Chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, quyền lợi của chị H bị ảnh hưởng nên chị H có quyền khởi kiện.

- Xác định tư cách người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày nguồn tiền cho chị Đ vay là tiền vợ chồng, nên Tòa án triệu tập chồng chị H (anh Lê Văn A) tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Chị H cũng xác định việc vay mượn tiền diễn ra giữa chị và chị Đ, không có tài liệu chứng minh chồng chị Đ (anh Nguyễn Huy Th) liên quan, nên Tòa án không đưa anh Th vào tham gia tố tụng.

- Về việc xét xử vắng mặt:

Theo Biên bản xác minh tại Công an xã DT bị đơn chị Lưu Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại xóm 5, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An. Chị Đ sinh sống cùng gia đình chồng, nhưng vì vỡ nợ đã bỏ đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 9-10/2018, không rõ nơi chuyển đến. Văn phòng thừa phát lại Tây Bắc Nghệ đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự cho chị Đ thông qua mẹ chồng Phạm Thị Th, tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, và các tài liệu, chứng cứ (Đơn khởi kiện, các Hợp đồng vay tiền) do nguyên đơn cung cấp cho bố chồng Nguyễn Huy T. Bà Th, ông T cam kết thông báo, giao lại cho chị Đ. Tòa án tiến hành tống đạt, niêm

yết, giao nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ. Như vậy, việc chị Đ chuyển đi nơi khác, không khai báo với chính quyền địa phương, cũng như không thông báo cho chị H, là cố tình che dấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 28/3/2019 chị Đ vắng mặt không có lý do, phiên tòa lần thứ hai chị tiếp tục vắng mặt, căn cứ vào khoản 16 điều 70, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H, chị Tr, anh A.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, các Hợp đồng vay tiền, thể hiện chị Đ vay tiền của chị H nhiều lần, cụ thể ngày 20/8/2017 vay 10.000.000đồng (mười triệu đồng), ngày 10/01/2018 vay 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng), ngày 12/01/2018 vay 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng), ngày 15/9/2018 vay 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), hai bên có thỏa thuận thời gian trả 01 (một) tháng, kể từ ngày vay và lãi suất 1%. Chị H đã tìm cách liên hệ, đến nhà chị Đ đòi tiền nhiều lần nhưng không được. Chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Đ trả nợ cho vợ chồng chị H, anh A tổng số tiền 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Đơn khởi kiện, các Hợp đồng vay tiền của chị H cung cấp đã được Tòa án tống đạt cho chị Đ theo quy định của pháp luật nhưng đến nay chị Đ vẫn không có ý kiến phản đối những giấy tờ, tài liệu, tình tiết, sự kiện chị H đưa ra, nên Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ chị H cung cấp.

Khoản 4 điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Chị Đ được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, điều này cho thấy chị Đ không có thiện chí trong việc thanh toán các khoản nợ cho chị H và không có ý thức chấp hành pháp luật. Chị Đ cũng không có tài liệu, giấy tờ thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy chị Đ đã từ bỏ quyền được tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét hợp đồng vay tiền giữa chị H và chị Đ là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, giao dịch được thực hiện vào năm 2017-2018, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu của chị H, anh A buộc chị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị H, anh A số tiền gốc 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng).

Về lãi suất: Chị H, anh A không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán. Trả lại cho nguyên đơn khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4, điều 91; khoản 2 điều 92; điều 147; điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Các điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/QH về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn chị Lưu Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị Lê Thị H và anh Lê Văn A số tiền gốc 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng).

2. Quyền yêu cầu thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7; 7a; 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Án phí: Buộc bị đơn chị Lưu Thị Đ phải chịu 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Lê Thị H 10.000.000đồng

(mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000799 ngày 24/12/2018.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hải Yến